



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Đàm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Khánh Hòa	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2022)
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Văn Đàm, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Số: 07/2023/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2022 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 9 về việc Công ty quyết định hồi tố một số Khoản mục của Báo cáo tài chính năm 2021 theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Kiểm toán Nhà Nước khu vực VIII ngày 18/07/2022.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1334-2023-240-1

Nguyễn Thanh Lam
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4231-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.091.714.147	149.202.137.956
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.851.745.751	13.946.077.234
1. Tiền	111		851.745.751	1.217.195.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	12.728.882.189
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.336.896.535	56.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	56.336.896.535	56.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.309.462.837	44.911.760.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	38.188.657.823	41.277.999.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	386.523.600	2.628.406.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.887.881.414	1.158.954.628
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(153.600.000)	(153.600.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	30.593.593.638	32.929.967.850
1. Hàng tồn kho	141		30.593.593.638	32.929.967.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.000.015.386	1.414.332.685
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	-	418.805.135
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	995.527.550
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.000.015.386	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		375.360.213.828	370.896.115.469
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		343.094.402.866	309.913.599.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	328.407.945.646	294.405.258.404
Nguyên giá	222		1.181.424.620.558	1.084.775.743.659
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(853.016.674.912)	(790.370.485.255)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	14.686.457.220	15.508.340.668
Nguyên giá	228		28.671.219.400	28.572.359.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.984.762.180)	(13.064.018.732)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.657.157.402	36.208.182.617
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	4.657.157.402	36.208.182.617
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.000.000.000	24.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.608.653.560	774.333.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	3.608.653.560	774.333.780
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		510.451.927.975	520.098.253.425

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		182.138.254.190	196.367.270.843
I. Nợ ngắn hạn	310		95.093.223.171	93.525.712.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	24.764.799.507	30.578.929.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	2.752.383.081	2.051.752.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	7.888.447.250	7.519.458.004
4. Phải trả người lao động	314		19.608.678.889	15.694.746.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	2.044.144.345	1.831.714.810
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	8.340.082.485	5.518.258.181
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	27.763.484.932	27.561.486.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.931.202.682	2.769.367.182
II. Nợ dài hạn	330		87.045.031.019	102.841.558.679
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	14.138.600.308	15.063.675.308
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	71.259.604.501	87.163.089.433
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.646.826.210	614.793.938
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		328.313.673.785	323.730.982.582
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	328.313.673.785	323.730.982.582
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		285.999.960.000	260.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		285.999.960.000	260.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.877.091.393	27.771.460.050
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.583.746.457	35.106.646.597
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.583.746.457	35.106.646.597
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		510.451.927.975	520.098.253.425



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	335.021.482.067	309.672.703.109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	24.451.222	12.479.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		334.997.030.845	309.660.224.018
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	280.274.975.713	261.774.152.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.722.055.132	47.886.071.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	3.903.489.939	3.156.171.509
7. Chi phí tài chính	22	5.5	3.583.524.363	2.621.029.624
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.583.524.363	2.893.225.373
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	613.637.357	600.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	10.465.706.275	7.804.211.528
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.962.677.076	40.017.001.552
11. Thu nhập khác	31	5.8	3.940.513.061	3.557.249.383
12. Chi phí khác	32	5.9	4.528.848.810	3.627.655.970
13. Lợi nhuận khác	40		(588.335.749)	(70.406.587)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.374.341.327	39.946.594.965
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	4.790.594.870	4.839.948.368
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.583.746.457	35.106.646.597
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	1.349	1.032
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	1.349	1.032



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.374.341.327	39.946.594.965
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		70.444.311.761	77.192.137.716
Các khoản dự phòng	03		153.600.000	(272.195.749)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.935.489.939)	(3.156.171.509)
Chi phí lãi vay	06		3.583.524.363	2.893.225.373
Các khoản điều chỉnh khác	07		1.220.785.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		114.841.072.512	116.603.590.796
3. trước những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.923.376.912	(6.462.951.071)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.336.374.212	10.919.026.603
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		873.927.999	(3.009.428.558)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.415.514.645)	(550.944.089)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.401.067.447)	(4.708.888.006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.499.148.838)	(5.500.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	9.585.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.430.831.500)	(7.837.432.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		103.228.189.205	99.462.558.675
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(69.328.120.068)	(80.125.291.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(47.336.896.535)	(58.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47.000.000.000	66.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.424.337.927	3.119.598.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.208.678.676)	(69.005.692.744)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	12.058.000.000	17.785.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(27.759.486.000)	(25.890.160.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(28.412.356.012)	(30.654.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(44.113.842.012)	(38.759.160.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(7.094.331.483)	(8.302.294.069)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.946.077.234	22.248.371.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		6.851.745.751	13.946.077.234



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa, được thành lập từ chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cấp nước Khánh Hòa theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND Tỉnh Khánh Hòa. UBND Tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 03/09/2013 và Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 23 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KHW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 285.999.960.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 339 (31 tháng 12 năm 2021 là: 325).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án công trình cấp thoát nước, tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp - thoát nước. Giám sát công

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm; Kiểm định đồng hồ điện tử; Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 01 công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	30%	30%	30%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy nước Xuân Phong Nhà máy nước Võ Cạnh	Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang Gò Đình, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa - Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2022

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 58 Đường Yersin, Phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 389613 ngày 24/08/2009 thuộc thửa đất số 189, tờ bản đồ số 11, thời hạn sử dụng đất đến ngày 16/01/2039 và tại Thôn Võ Cảnh, xã Vĩnh Trung, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 898789 ngày 25/07/2013 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 23, thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/09/2049. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Năm 2022

- Phần mềm máy tính 03 năm

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 18 tháng đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của công ty là chi phí lãi vay, được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.15 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước: 10%;
- Các dịch vụ khác: 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước: 5%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.23. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt tại quỹ	9.893.420	8.304.649
Tiền gửi ngân hàng	841.852.331	1.208.890.396
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	6.000.000.000	12.728.882.189
Cộng	6.851.745.751	13.946.077.234

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	56.336.896.535	56.336.896.535	56.000.000.000	56.000.000.000
Cộng	56.336.896.535	56.336.896.535	56.000.000.000	56.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
			Năm 2022	Năm 2021

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu

Hoạt động kinh doanh có lãi

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Mục 8.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu hoạt động cung cấp nước	33.182.982.621	29.733.335.831
Ban Quản Lý Dịch vụ Công ích Thành phố Nha Trang	4.043.669.548	5.561.121.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh Hòa	-	5.291.906.328
Các khách hàng khác	962.005.654	691.636.000
Cộng	38.188.657.823	41.277.999.159

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH TK Cộng	-	1.295.806.400
Công ty TNHH E.T.N.T	-	1.068.000.000
Các nhà cung cấp khác	386.523.600	264.600.000
Cộng	386.523.600	2.628.406.400

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.390.069.140	-	910.917.128	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	181.037.500	-
Tạm ứng	10.000.000	-	57.000.000	-
Phải thu khác	467.812.274	-	10.000.000	-
Cộng	1.887.881.414	-	1.158.954.628	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	153.600.000	-	153.600.000	-
Cộng	153.600.000	-	153.600.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần 504	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần CATSOFT	53.600.000	-	Trên 3 năm	53.600.000	-	Trên 3 năm
Cộng	153.600.000	-		153.600.000	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.820.950.334	-	27.450.182.251	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.772.643.304	-	5.479.785.599	-
Cộng	30.593.593.638	-	32.929.967.850	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	-	696.524.629
Tuyến ống DN900 Cầu Dứa - Mã Vòng	-	31.724.019.729
Cải tạo lắp mới tuyến ống cấp nước HDPE DN300,100,50 - Đ. Hồng Bàng - Phước Tiến	1.212.154.781	-
Cải tạo thay mới tuyến ống DN300,100,50 - Quốc lộ 1C (đường 23/10) - Phương Sơn (từ Cầu Chợ Mới -> đường sắt)	-	650.842.725
Các công trình tuyến ống cấp nước khác	3.445.002.621	3.136.795.534
Cộng	4.657.157.402	36.208.182.617

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tài, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	90.579.383.235	278.168.332.556	713.479.999.636	2.548.028.232	1.084.775.743.659
Mua trong năm	-	785.800.000	-	-	785.800.000
XDCB hoàn thành	522.893.321	14.797.949.176	83.014.708.786	-	98.335.551.283
Nhận bàn giao	-	4.593.657.000	-	-	4.593.657.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.488.470.436)	(4.577.660.948)	-	(7.066.131.384)
Tại ngày 31/12/2022	91.102.276.556	295.857.268.296	791.917.047.474	2.548.028.232	1.181.424.620.558
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	61.958.532.609	219.473.626.167	507.161.265.822	1.777.060.657	790.370.485.255
Khấu hao trong năm	3.486.914.612	15.360.215.691	50.591.021.873	274.168.865	69.712.321.041
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.488.470.436)	(4.577.660.948)	-	(7.066.131.384)
Tại ngày 31/12/2022	65.445.447.221	232.345.371.422	553.174.526.747	2.051.229.522	853.016.674.912
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	28.620.850.626	58.694.706.389	206.318.733.814	770.967.575	294.405.258.404
Tại ngày 31/12/2022	25.656.829.335	63.511.896.874	238.742.420.727	496.798.710	328.407.945.646

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình là 92.234.442.212 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 427.313.676.956 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyên sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	24.636.685.000	3.935.674.400	28.572.359.400
Mua trong năm	-	98.860.000	98.860.000
Tại ngày 31/12/2022	24.636.685.000	4.034.534.400	28.671.219.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	9.166.358.218	3.897.660.514	13.064.018.732
Khấu hao trong năm	887.728.776	33.014.672	920.743.448
Tại ngày 31/12/2022	10.054.086.994	3.930.675.186	13.984.762.180
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	15.470.326.782	38.013.886	15.508.340.668
Tại ngày 31/12/2022	14.582.598.006	103.859.214	14.686.457.220

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ vô hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.876.174.400 VND.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	418.805.135
Cộng	-	418.805.135
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.065.921.312	418.102.859
Chi phí sửa chữa, chi phí khác	1.542.732.248	356.230.921
Cộng	3.608.653.560	774.333.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	-	-	218.869.138	218.869.138
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	434.700.000	434.700.000	954.116.162	954.116.162
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	6.777.734.400	6.777.734.400	893.200.000	893.200.000
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	1.554.662.770	1.554.662.770	1.485.000	1.485.000
Công ty TNHH Dũng Lợi	3.211.725.000	3.211.725.000	6.299.363.001	6.299.363.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	3.413.025.000	3.413.025.000	2.904.720.000	2.904.720.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	5.795.494.093	5.795.494.093	6.072.306.145	6.072.306.145
Công ty Cổ phần Bạch đằng 4	-	-	10.560.926.467	10.560.926.467
Các nhà cung cấp khác	3.577.458.244	3.577.458.244	2.673.944.000	2.673.944.000
Cộng	24.764.799.507	24.764.799.507	30.578.929.913	30.578.929.913
Trong đó, Phải trả người bán với bên liên quan - Xem thêm mục 8	3.413.025.000	3.413.025.000	2.904.720.000	2.904.720.000

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	1.261.098.000	-
BQL dự án các công trình xây dựng Diên Khánh	-	652.244.000
Ban quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	-	252.042.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa	661.055.000	661.055.000
Công ty CP khách sạn Bến du thuyền	319.767.000	319.767.000
Các khách hàng khác	510.463.081	166.644.000
Cộng	2.752.383.081	2.051.752.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp /khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	896.447.284	23.808.832.961	23.437.137.473	-	524.751.796
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.015.386	-	4.790.594.870	6.499.148.838	-	708.538.582
Thuế thu nhập cá nhân	-	633.795.254	2.005.168.254	1.373.496.800	-	2.123.800
Thuế tài nguyên	-	146.637.880	1.789.067.800	1.774.673.120	-	132.243.200
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	87.264.506	87.264.506	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản nộp khác	-	6.211.566.832	79.038.987.629	78.979.221.423	-	6.151.800.626
Cộng	1.000.015.386	7.888.447.250	111.523.916.020	112.154.942.160	-	7.519.458.004

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	301.906.000	390.002.000
Chi phí lãi vay phải trả	56.413.504	97.156.588
Chi phí khác	1.685.824.841	1.344.556.222
Cộng	2.044.144.345	1.831.714.810

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	273.770.017	127.741.994
Cổ tức phải trả	-	3.967.758
Nhận ký quỹ ký cược	4.017.037.112	3.547.037.112
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	1.658.934.000	1.352.736.000
Lãi vay được ân hạn (*)	1.776.800.000	-
Phải trả khác	613.541.356	486.775.317
Cộng	8.340.082.485	5.518.258.181
Dài hạn		
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	13.250.200.308	10.621.675.308
Lãi vay được ân hạn (*)	888.400.000	4.442.000.000
Các khoản khác	-	-
Cộng	14.138.600.308	15.063.675.308
Trong đó, Phải trả khác với bên liên quan - Xem thêm mục 8	14.909.134.308	11.974.411.308

(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn liên quan đến khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khánh Hòa căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng một lần với số tiền 888.400.000 VND, kỳ trả lãi cuối cùng là tháng 06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ vay dài hạn đến hạn trả:						
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận (Nguồn vốn ODA) (1)	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Quý Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (2)	12.640.000.000	12.640.000.000	12.838.000.000	11.836.000.000	11.638.000.000	11.638.000.000
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa (3)	6.097.324.932	6.097.324.932	6.097.324.932	6.897.326.000	6.897.326.000	6.897.326.000
Cộng	27.763.484.932	27.763.484.932	27.961.484.932	27.759.486.000	27.561.486.000	27.561.486.000
Vay dài hạn:						
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận (Nguồn vốn ODA) (1)	4.513.080.978	4.513.080.978	-	9.026.160.000	13.539.240.978	13.539.240.978
Quý Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (2)	42.357.225.000	42.357.225.000	12.058.000.000	12.838.000.000	43.137.225.000	43.137.225.000
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa (3)	24.389.298.523	24.389.298.523	-	6.097.324.932	30.486.623.455	30.486.623.455
Cộng	71.259.604.501	71.259.604.501	12.058.000.000	27.961.484.932	87.163.089.433	87.163.089.433
Tổng cộng	99.023.089.433	99.023.089.433	40.019.484.932	55.720.970.932	114.724.575.433	114.724.575.433

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(1) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khánh Hòa theo Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA với số tiền vay 135.392.400.978 VND; Thời hạn trả nợ vay là 20 năm bắt đầu từ ngày 01/12/2004, mỗi năm 2 kỳ vào các ngày 01/06 và 01/12, chia thành 40 bán niên; Lãi suất cho vay: 5%/năm (đã bao gồm phí quản lý cho vay là 0,2%/năm). Mục đích vay: Đầu tư dự án "Cấp nước và vệ sinh thành phố Nha Trang". Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 13.539.240.978 VND và lãi vay được ân hạn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 2.665.200.000 VND.

(2) Vay dài hạn Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD - ĐTPT ngày 21/11/2016 với hạn mức 24.370.000.000 VND; thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 96 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 5.472.225.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD - ĐTPT ngày 27/12/2017 với hạn mức 41.150.000.000 VND; thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cảnh đến Cầu Dứa - Nha Trang. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 19.339.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/HĐTD - ĐTPT ngày 22/05/2019 với hạn mức 11.700.000.000 VND; thời hạn vay là 141 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 139 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 5.463.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 17/2020/HĐTD - ĐTPT ngày 09/12/2020 với hạn mức 43.290.000.000 VND; thời hạn vay là 136 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 132 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: "Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn từ Mã vòng đến Cầu Dứa - Nha Trang". Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 22.110.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 12/2022/HĐTD - ĐTPT ngày 06/07/2022 với hạn mức 3.787.000.000 VND VND; thời hạn vay là 74 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: "sửa chữa, khắc phục tuyến ống cấp nước cầu Hà Ra (quốc lộ 1A)". Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 2.613.000.000 VND.

(3) Vay dài hạn Ngân sách tỉnh Khánh Hòa với số tiền 73.167.899.183 VND để đầu tư dự án "Mở rộng, nâng cấp công suất Nhà máy nước Võ Cảnh", lãi suất cho vay là 0%/năm. Thời hạn trả nợ là 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Số dư nợ gốc vay còn phải trả tính đến ngày 31/12/2022 là 30.486.623.455 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2021	260.000.000.000	852.875.935	23.179.047.213	42.235.300.595	326.267.223.743
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	35.106.646.597	35.106.646.597
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.592.412.837	(4.592.412.837)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.984.920.000)	(6.984.920.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(30.657.967.758)	(30.657.967.758)
Số dư tại ngày 01/01/2022	260.000.000.000	852.875.935	27.771.460.050	35.106.646.597	323.730.982.582
Tăng vốn trong năm nay	25.999.960.000	-	(25.999.960.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	38.583.746.457	38.583.746.457
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	1.105.591.343	(1.105.591.343)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.592.667.000)	(5.592.667.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(28.408.388.254)	(28.408.388.254)
Số dư tại ngày 31/12/2022	285.999.960.000	852.875.935	2.877.091.393	38.583.746.457	328.313.673.785

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 13/NQ-ĐH-ĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 62/NQ-ĐH-ĐCĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	145.860.000.000	132.600.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	125.505.600.000	114.096.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	14.634.360.000	13.304.000.000
Cộng	285.999.960.000	260.000.000.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	260.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	25.999.960.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	285.999.960.000	260.000.000.000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn: 2.600.000 CP, thời gian thực hiện trong năm 2022.

Theo thông báo số 3335/TB-SGDHN ngày 24/11/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa với số lượng cổ phiếu giao dịch bổ sung là 2.599.996 cổ phiếu. Ngày có hiệu lực của thông báo là 29/11/2022.

Theo thông báo số 3385/TB-SGDHN ngày 05/12/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu thay đổi đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là ngày 12/12/2022.

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.599.996	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.599.996	26.000.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.599.996</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.599.996	26.000.000
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.599.996</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	38.583.746.457	35.106.646.597
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(5.592.667.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.583.746.457	29.513.979.597
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	28.599.996	28.599.996
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.349	1.032

4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	38.583.746.457	35.106.646.597
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(5.592.667.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	38.583.746.457	29.513.979.597
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	28.599.996	28.599.996
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	28.599.996	28.599.996
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.349	1.032

Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 đã điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo số thực tế. Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2021 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu đã thực hiện trong năm nay.

Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 là toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay.

4.18.7. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 62/NQ-ĐH.ĐCĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ chi trả là 10% và cổ tức bổ sung năm 2021 với tỷ lệ chi trả 0,843%. Tổng cộng cổ tức chi trả là: 10,843%/cổ phiếu.

4.18.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	27.771.460.050
Trích trong năm	1.105.591.343
Giảm trong năm	25.999.960.000
Tại ngày 31/12/2022	2.877.091.393

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Doanh thu sản xuất, cung cấp nước sạch	305.625.402.831	270.753.217.115
Doanh thu hoạt động xây lắp	28.441.281.634	37.281.779.044
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	432.051.943	476.306.385
Doanh thu hoạt động khác	522.745.659	1.161.400.565
Cộng	<u>335.021.482.067</u>	<u>309.672.703.109</u>
Trong đó, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.414.937.037	-

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Hàng bán bị trả lại	24.451.222	12.479.091
Cộng	<u>24.451.222</u>	<u>12.479.091</u>

5.3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	253.642.237.581	226.453.279.621
Giá vốn hoạt động xây lắp	25.850.818.057	34.066.348.388
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	297.706.057	197.708.559
Giá vốn hoạt động khác	484.214.018	1.056.816.255
Cộng	<u>280.274.975.713</u>	<u>261.774.152.823</u>

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Lãi tiền gửi, cổ tức được chia	3.903.489.939	3.156.171.509
Cộng	<u>3.903.489.939</u>	<u>3.156.171.509</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	3.583.524.363	2.893.225.373
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	-	(272.195.749)
Cộng	3.583.524.363	2.621.029.624

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.637.357	600.000.000
Cộng	613.637.357	600.000.000

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.267.814.863	3.317.179.205
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.297.025.167	238.827.275
Chi phí khấu hao TSCĐ	208.043.119	263.963.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.301.669.108	2.567.426.925
Chi phí bằng tiền khác	2.391.154.018	1.416.815.005
Cộng	10.465.706.275	7.804.211.528

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu phí thoát nước, phí BVMT	3.769.443.198	3.398.455.694
Thanh lý tài sản cố định	32.000.000	-
Thu nhập khác	139.069.863	158.793.689
Cộng	3.940.513.061	3.557.249.383

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí hỗ trợ thu phí BVMT	3.764.643.880	3.394.434.492
Thuế truy thu, phạt chậm nộp	345.814.585	174.521.570
Chi phí khác	418.390.345	58.699.908
Cộng	4.528.848.810	3.627.655.970

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.277.223.307	82.154.258.803
Chi phí nhân công	80.353.901.698	74.355.826.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.444.311.761	80.183.626.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.066.910.182	13.102.524.257
Chi phí khác bằng tiền	10.504.830.102	13.731.451.669
Cộng	287.647.177.050	263.527.687.630

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.374.341.327	39.946.594.965
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	244.566.212	3.370.707.668
Điều chỉnh tăng	964.566.212	3.370.707.668
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	964.566.212	3.370.707.668
Điều chỉnh giảm	720.000.000	-
- Cổ tức được chia	720.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	43.618.907.539	43.317.302.633
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 20%	4.287.041.160	5.082.181.050
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 10%	39.331.866.379	38.235.121.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.790.594.870	4.839.948.368
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 20%	857.408.232	1.016.436.210
- Thu nhập từ hoạt động tính theo thuế suất 10%	3.933.186.638	3.823.512.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.790.594.870	4.839.948.368

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay	12.058.000.000	17.785.000.000
Cộng	<u>12.058.000.000</u>	<u>17.785.000.000</u>

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay	27.759.486.000	25.890.160.000
Cộng	<u>27.759.486.000</u>	<u>25.890.160.000</u>

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, cung cấp nước;
- Hoạt động xây lắp;
- Hoạt động khảo sát, thiết kế;
- Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Sàn xuất, cung cấp nước		Xây lắp		Khảo sát, thiết kế		Khác		Tổng cộng	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu thuần										
Từ khách hàng	305.625.402.831	270.753.217.115	28.416.830.412	37.269.299.953	432.051.943	476.306.385	522.745.659	1.161.400.565	334.997.030.845	309.660.224.018
Cộng	305.625.402.831	270.753.217.115	28.416.830.412	37.269.299.953	432.051.943	476.306.385	522.745.659	1.161.400.565	334.997.030.845	309.660.224.018
Chi phí kinh doanh										
Giá vốn hàng bán	253.642.237.581	226.453.279.621	25.850.818.057	34.066.348.388	297.706.057	197.708.559	484.214.018	1.056.816.255	280.274.975.713	261.774.152.823
Chi phí bán hàng	559.835.303	524.613.488	52.053.084	72.213.278	791.420	922.895	957.550	2.250.339	613.637.357	600.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.548.101.630	6.823.657.720	887.775.631	939.279.500	13.497.817	12.004.111	16.331.197	29.270.197	10.465.706.275	7.804.211.528
Cộng	263.750.174.514	233.801.550.829	26.790.646.772	35.077.841.166	311.995.294	210.635.565	501.502.765	1.088.336.790	291.354.319.345	270.178.364.351
Kết quả HĐKD	41.875.228.317	36.951.666.286	1.626.183.640	2.191.458.787	120.056.649	265.670.820	21.242.894	73.063.775	43.642.711.500	39.481.859.667
Doanh thu HĐTC									3.903.489.939	3.156.171.509
Chi phí tài chính									3.583.524.363	2.621.029.624
Thu nhập thuần khác									(588.335.749)	(70.406.587)
Lợi nhuận trước thuế TNDN									43.374.341.327	39.946.594.965
Chi phí thuế TNDN hiện hành									4.790.594.870	4.839.948.368
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									-	-
Lợi nhuận sau thuế									38.583.746.457	35.106.646.597

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Công ty TNHH Nước sạch REE | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu | Công ty liên kết |
| 4. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	3.413.025.000	2.904.720.000
Cộng - Xem thêm mục 4.11	<u>3.413.025.000</u>	<u>2.904.720.000</u>

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả khác:		
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	14.909.134.308	11.974.411.308
Cộng - Xem thêm mục 4.15	<u>14.909.134.308</u>	<u>11.974.411.308</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu		
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.438.796.296	34.538.400.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.414.937.037	-
Cổ tức nhận được	720.000.000	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Chia cổ tức	14.490.301.566	15.633.540.000
Nhận bàn giao tài sản	4.593.657.000	-
Thanh toán tiền liên quan đến nhận bàn giao tài sản	1.658.934.000	1.352.736.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty TNHH Nước sạch REE		
Chia cổ tức	12.467.612.208	13.451.918.400

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	87.600.000	75.320.000
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên HĐQT	81.600.000	70.080.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT	81.600.000	70.080.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn (REE)	Thành viên HĐQT	81.600.000	70.080.000
Ông Trương Khắc Hoàn (REE)	Thành viên HĐQT	81.600.000	49.680.000
Ông Lục Chánh Trường (REE)	Thành viên HĐQT	-	20.400.000
Ông Hoàng Long	Trưởng ban kiểm soát	66.000.000	56.900.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên BKS	60.000.000	51.660.000
Ông Quách Vĩnh Bình (REE)	Thành viên BKS	60.000.000	36.660.000
Ông Lê Văn Diễn (REE)	Thành viên BKS	-	15.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Văn Đàm	Tổng Giám đốc	996.811.000	830.903.000
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	778.494.000	655.468.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	753.541.000	647.402.000
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	-	581.513.000
Bà Võ Thị Khánh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	745.338.000	-
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	754.956.000	638.049.000
Ông Hoàng Long	Trưởng ban kiểm soát	584.369.000	458.360.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên BKS	308.442.000	246.280.000

9. THÔNG TIN SO SÁNH

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-KTNN ngày 04/04/2022 của Tổng KTNN về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực Giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa, Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán tỉnh Khánh Hòa của Kiểm toán nhà nước khu vực VIII đã thực hiện kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa từ ngày 26/05/2022 đến ngày 01/06/2022. Thời kỳ được kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và các thời kỳ trước sau có liên quan. Do đó căn cứ theo kết luận của Kiểm toán, số liệu báo cáo tài chính năm 2021 có sự thay đổi so với số liệu báo cáo tài chính đã công bố của năm 2021 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng cân đối kế toán (Trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Ghi
		01/01/2022 (trình bày lại)	01/01/2022 (đã trình bày trước đây)	
1. Tài sản cố định vô hình	221	15.508.340.668	12.516.852.286	2.991.488.382 (1)
Nguyên giá	222	28.572.359.400	28.572.359.400	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(13.064.018.732)	(16.055.507.114)	2.991.488.382 (1)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	7.519.458.004	6.936.357.876	583.100.128 (2)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.106.646.597	32.698.258.343	2.408.388.254 (3)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	-	-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	35.106.646.597	32.698.258.343	2.408.388.254

Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu	Số liệu	Ghi
		năm 2021 (trình bày lại)	năm 2021 (đã trình bày trước đây)	
1. Giá vốn hàng bán	11	261.774.152.823	264.765.641.205	(2.991.488.382) (1)
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	40.017.001.552	37.025.513.170	2.991.488.382 (1)
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	39.946.594.965	36.955.106.583	2.991.488.382 (1)
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.839.948.368	4.256.848.240	583.100.128 (2)
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	35.106.646.597	32.698.258.343	2.408.388.254 (3)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Mã số	Số liệu	Số liệu	Ghi
		năm 2021 (trình bày lại)	năm 2021 (đã trình bày trước đây)	
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.946.594.965	36.955.106.583	2.991.488.382 (1)
2. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	77.192.137.716	80.183.626.098	(2.991.488.382) (1)

(1) Giảm chi phí khấu hao tài sản vô hình: 2.991.488.382 VND

(2) Tăng thuế TNDN phải nộp: 583.100.128 VND

(3) Do đó, tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 2.408.388.554 VND.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

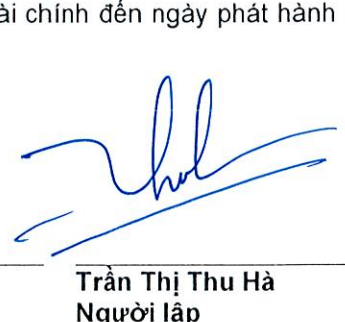
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2023


Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng


Trần Thị Thu Hà
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~07~~.../CTN-TV

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 02 năm 2023

V/v Giải trình chênh lệch KQSXKD
năm 2022 sau kiểm toán so với năm
2021

Kính gửi :

Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX)

- 1) Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (KHAWASSCO).
- 2) Mã Chứng khoán : KHW
- 3) Địa chỉ trụ sở chính : 58 Đường Yersin – Phường Phương Sài – Tp Nha trang – Tỉnh Khánh hòa .
- 4) Điện thoại : 0258 – 3822315 , fax : 0258-3810740
- 5) Nội dung công bố thông tin :
Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (đính kèm)
Nội dung : Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (tăng từ 10% trở lên).

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	334.997.030.845	309.660.224.018	25.336.806.827	108,18%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	43.374.341.327	39.946.594.965	3.427.746.362	108,58%
3	Thuế TNDN	4.790.594.870	4.839.948.368	-49.353.598	-1,02%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.583.746.457	35.106.646.597	3.477.099.860	109,90%

Nguyên nhân :

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Lợi nhuận trước thuế năm 2022 so với năm 2021 sau khi kiểm toán, lợi nhuận trước thuế công ty tăng 8,58%

(43.374.341.327/39.946.594.965), do năm 2022 tình hình dịch Covid -19 đã được kiểm soát lượng khách du lịch đến Nha trang đã có chiều hướng tăng, nên nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân cũng như của khách sạn phục vụ khách du lịch tăng nên Doanh thu sản xuất nước tăng 12,87% so với năm 2021(305.625.402.831/270.753.217.115) nhưng bên cạnh đó doanh thu xây lắp giảm 23,7% do thi công các công trình xây dựng giảm (28.441.281.634/37.281.779.044)... do đó tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 8,18%.

Doanh thu sản xuất nước tăng thì giá vốn sản xuất nước cũng tăng 12%. Bên cạnh đó trong năm 2022 để đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân Thành phố Nha trang, công ty đã đầu tư tuyến ống DN 700 đường 23/10 đoạn từ Cầu đũa về Mã vòng và Cải tạo thay mới tuyến ống thép DN 400-500 Cầu Hà ra thay thế tuyến ống cũ bị rỉ cuốn trôi năm 2021 từ nguồn vốn vay tại Quỹ Đầu tư - phát triển Khánh hòa nên chi phí lãi vay năm 2022 cũng tăng so với năm 2021 : 690.298.990 đ (tăng 23,86%).

Đồng thời căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các năm tiếp theo, công ty sẽ đầu tư một số công trình áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để theo dõi quản lý chất lượng nguồn nước sinh hoạt, đảm bảo an toàn vệ sinh nguồn nước cho người dân nên Công ty đã trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHCN – BTC ngày 28/06/2016 với số tiền là 1.020.785.000 đồng (tương đương 2,36% lợi nhuận trước thuế), nên chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 34,0% so với năm 2021.

Với những lý do trên, nên Lợi nhuận sau thuế năm 2022 sau kiểm toán toàn Công ty tăng so với Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã được kiểm toán Nhà nước kiểm toán tăng 9,9%.

Chúng tôi xin cam kết các công bố giải trình trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin .

Trân trọng

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu : VT, TV (quan)



Nguyễn Văn Đàm